

# ĐẠO HÙNG NGỰ VỚI CÁC VỊ TRẦN THỦ THỜI NGUYỄN

Đỗ Kim Trường<sup>(\*)</sup>

Thời Nguyễn (gồm các chúa Nguyễn và triều Nguyễn), *đạo* Hùng Ngự là biên trấn trọng yếu ở Tây Nam nước Việt. Qua nhiều ghi chép và thay đổi đơn vị hành chính trực thuộc, nơi đây được chính quyền đương thời cử các vị trấn thủ trông coi. Quốc sử đã ghi chép về vấn đề này.

## 1. Đạo Hùng Ngự thời Nguyễn

Năm 1620, sau cuộc hôn nhân của con gái với Quốc vương Chân Lạp Chey Chetta II, chúa Nguyễn Phúc Nguyên lập hai trạm thu thuế ở Prey Nokor và Kas Kobey (tức Sài Gòn và Bến Nghé). Việc này tạo điều kiện cho những người Việt đã cư trú tại đây và tiếp sau đó sự đảm bảo về an ninh, thuận lợi về kinh tế, như có ý kiến nhận định: “Sự hiện diện của hai trạm thu thuế quan của chúa Nguyễn trên vùng Thủy Chân Lạp, cộng với việc công nữ người Việt đang là hoàng hậu của Chân Lạp chẳng những là một sự bảo đảm cho Việt kiều tại chỗ, mà còn là nguồn động viên cổ vũ lưu dân người Việt vào đây làm ăn sinh sống” [1,24].

Sau đó, năm 1698, “chúa Phúc Chu sai Chương cơ Thành lễ hầu Nguyễn Hữu Cảnh mang quân đi đánh nước Cao-miên, lấy được đất Đồng-nai rất phì nhiêu, đặt là phủ Gia-định. Còn hai huyện Phước-long và Tân-bình thì được thiết lập làm dinh Trấn-biên và dinh Phiên-trấn [...] tăng thêm hơn số hơn bốn vạn hộ” [2,102]. Phạm vi *Gia Định phủ* như thế nào chưa thấy các tài liệu ghi chép. 78 năm sau, khi làm Hiệp trấn phủ Thuận Hóa (năm 1776), Lê Quý Đôn viết sách *Phủ biên tạp lục*, ghi việc năm Quý Dậu (1753), Nguyễn Cư Trinh đề xuất với chúa Nguyễn Phúc Khoát phương thức “tầm ăn lá dâu”, có đoạn: “Nay đất cũ từ Mỗi Xoài đến Sài Gòn, đường đi hai ngày, dân chưa khai khẩn hết ruộng, binh đóng vẫn chưa đủ, hưởng nữa từ Sài Gòn đến Tầm Đôn là 6 ngày đường, đất rộng ruộng nhiều, dân số có đến hàng vạn, chính binh đóng đồn thực lo không đủ”[3,104-105]. Cũng năm đó, Trùm Châm, người thôn Chính Hòa, châu Nam Bố Chính nói việc trước đây “y đi buôn bán ở phủ Gia Định”. Từ nơi xuất phát, qua cửa biển Nhật Lệ, vào cửa Eo, đến xứ Vũng Tàu ở đầu cội Gia Định. Đường vào phủ Gia Định “trên thì có cửa biển Cần Giờ, ở giữa thì vào cửa biển Soài Rạp, dưới thì vào cửa Đại, cửa Tiểu”[3,105]. Tuy không có tư liệu đương thời nào chỉ rõ cương vực *phủ* này, và phải hơn 50 năm sau đó mới được đề cập trong trước tác của Lê Quý Đôn, nhưng “*Gia Định phủ*” đã được nhắc đến và cho phép làm cứ liệu để đối chiếu.

Từ hai trích dẫn trên có thể thấy, *Gia Định phủ* lúc bấy giờ rất rộng. Đường bộ từ Mỗi Xoài (Bà Rịa) đến Sài Gòn, rồi Tầm Đôn (Long An) hết 8 ngày đường. Từ Tầm Đôn đến biên giới Chân Lạp không chép. Còn theo đường thủy có 3 cửa: Cần Giờ; Soài Rạp; cửa Đại, cửa Tiểu. Trong đó, từ biên vào cửa Tiểu, cửa Đại đến sông Trí Tường (sông Mỹ Tho), qua thành Định Tường cũ (thành phố Mỹ Tho) và phía nam Gò Công. Sông Mỹ Tho là phân lưu sông Tiền, từ đây theo thủy lộ lên biên giới Đại Việt – Chân Lạp, trong đó có *Hùng Ngự*. Tuy nhiên, lúc này địa danh Hùng Ngự chưa ra đời.

Đến năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chú, lấy phía nam dinh Phiên Trấn lập châu Định Viễn, dựng dinh mới Long Hồ. Hai mươi lăm năm sau (năm 1757), với việc hỗ trợ cho Quốc vương Chân Lạp Nặc Tôn giành lại ngôi vua, chúa Nguyễn Phúc Khoát được chủ quyền đất Tầm Phong Long (vùng đất giữa sông Tiền và sông Hậu). Theo hiến kế của Nguyễn Cư Trinh, Võ vương đã lập nơi đây ba đạo: *Châu Đốc* (Hậu Giang), *Tân Châu* (Tiền Giang) và *Đông Khẩu* (Sa Đéc) đều thuộc dinh Long Hồ. *Tân Châu đạo* lúc đầu đóng ở Cù lao Dao Châu (Đoi Lửa, nay thuộc huyện Thanh Bình, Đồng Tháp), với nhiệm vụ giữ an ninh đường thủy và trên bộ từ nơi đây lên đến biên giới Chân Lạp, đồng thời là tiền trạm cho Đông Khẩu đạo. Hùng Ngự khi đó thuộc phạm vi của *đạo* này. Đến năm 1772, chúa Nguyễn Phúc Thuận lập đạo Trường Đồn, rồi đổi thành dinh Trường Đồn (1779), dinh Trấn Định (1781), trấn Định Tường (1806).

*Hùng Ngự* thuộc tổng Kiến Đăng, dinh Trường Đồn, rồi tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường.

Năm 1818, để tăng cường bảo vệ biên giới Tây Nam và bước đầu thiết lập hệ thống quản lý nơi đây, vua Gia Long cho dời Tân Châu đạo lên phía thượng lưu sông Tiền. Trịnh Hoài Đức chép việc này: “Năm Gia Long thứ 17 (1818), phụng chỉ dời đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn, dời đạo Chiêm Sai đến cửa trên sông Hiệp Ân, dời đạo Hùng (Hồng) Ngự đến cửa dưới sông Hiệp Ân”[4,219-220]. Trong tiến trình mở đất và xác lập chủ quyền Nam bộ, ở buổi đầu, các chúa và vua nhà Nguyễn, đã lập nhiều phân cấp quản lý theo hình thức quân quản như đạo, thuộc, bảo, tấn, ... Trong đó, *đạo* thời chúa Nguyễn “là một khu hành chính mới thành lập, đang ở trong tình trạng khai phá, mở mang, chưa được Việt hóa hoàn toàn”, và thời triều Nguyễn “là đơn vị hành chính cấp tỉnh, chuẩn bị để chính thức trở thành tỉnh, do một Quản đạo và Phó Quản đạo cai trị, thuộc dưới quyền của một Tuần vũ hay Tổng đốc. Một thời gian sau, khi đã lớn mạnh, đạo sẽ trở thành tỉnh, và bấy giờ sẽ thuộc quy chế hành chính của tỉnh” [5,211]. *Bảo* “là đồn lớn giữ an ninh một địa phương trọng yếu hoặc phủ, huyện”[5,44]. Thư tịch cổ ghi nhận nhiều bảo như: Phước Thắng, Quang Hóa, Thông Bình, Tuyên Uy, Cửu An, Trấn Nguyên, Hùng Ngự. Một nghiên cứu đã xác nhận điều này: “Đặc biệt trong thế kỷ XVIII, do nhu cầu bảo đảm an ninh quốc phòng, trong khu vực do dinh Long Hồ quản lý, có rất nhiều địa điểm đồn trú của binh lính như Chợ Thủ, Rạch Ông Chường, Sa Đéc, cù lao Dao Chiêu, Hùng Thắng, Hùng Ngự, Vũng Liêm, Láng Thê, Càn Chung, Lấp Vò (Cường Oai), Trà Ôn, cù lao Tân Đình, Bãi Ngao, Cái Lóc, Thanh Hải, Thâm Trùng, Chát Tiền”[6,69-70].

Về *bảo* Hùng Ngự, *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Ở phía Tây huyện Kiến Đăng 91 dặm, phía Đông rạch Hiệp Ân, chu vi 36 trượng hai thước, cao bốn thước, có hai cửa. Đầu năm Gia Long, đặt trụ sở của đạo ở miền Đốc Vạn Thượng và Đốc Vạn Hạ, sau dời đến đây. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), đặt làm chỗ thu quan thuế. Năm Thiệu Trị thứ hai (1842), đắp thành đất. Năm Tự Đức thứ nhất (1848) thì bỏ”[7,1714-1715]. Từ vùng đất trước đó chưa có tên, đến năm 1818, do có đạo Hùng Ngự trú đóng nên định danh là *vùng Hùng Ngự*, sau nói trại thành *Hồng Ngự*. Trường hợp tương tự cũng thấy như Câu Lãnh thành Cao Lãnh, Xẻo Vạt thành Xã Vạt. Sự hình thành các địa danh vốn xuất xứ từ các *bảo*, *thủ* thời Nguyễn đến nay vẫn còn như: Chợ Thủ (Chiêm Sai), cù lao Ông Chường, cù lao Dao Châu (Doi Lửa), Thông Bình, Tân Châu, Châu Đốc. Thủ Chiêm Sai và bảo Hùng Ngự (mới) đều thuộc trấn Định Tường.

Cùng với việc đổi dinh Trấn Định thành trấn Định Tường, thì dinh Vĩnh Trấn cũng đổi thành trấn Vĩnh Thanh (1808), châu Định Viễn nâng lên thành phủ, gồm 4 huyện: Vĩnh Bình, Vĩnh Định, Tân An, Vĩnh An. Trong đó *thôn Long Khánh* (vùng Hồng Ngự cù lao) thuộc tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh[4,153].

Đến năm 1833, triều Nguyễn bãi bỏ cơ chế *thành*, chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. *Gia Định thành* được phân ra 6 tỉnh: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Địa bạ triều Nguyễn, tỉnh Định Tường, huyện Kiến Đăng, tổng Lợi Trinh, có “*Tân Hội thôn*” và tổng Phong Thạnh, có “*An Bình thôn*”[8,157 và 159] (vùng Hồng Ngự đất liền). Tỉnh An Giang, huyện Vĩnh An, tổng Vĩnh Trinh, có “*Long Khánh thôn*” [9,83] (vùng Hồng Ngự cù lao). Vùng đất Hùng/Hồng Ngự thời Nguyễn<sup>1</sup> lần lượt thuộc các đơn vị hành chính (Xem bảng tóm tắt)

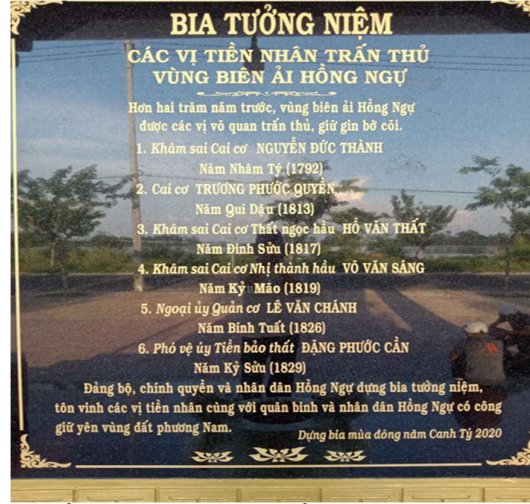
BẢNG TÓM TẮT VÙNG ĐẤT HÙNG/HỒNG NGỰ  
THUỘC CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THỜI NGUYỄN

TT	Thời gian	Vùng đất Hùng/Hồng Ngự thuộc đơn vị hành chính
1	1698	Gia Định phủ.
2	1757	Tân Châu đạo, dinh Long Hồ.
3	1781	Tổng Kiến Đăng, dinh Trường Đồn sau là dinh Trấn Định.
4	1808	Tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường.

5	1818	Tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; và tổng Vĩnh Trinh, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh.
6	1833	Tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường; và tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang.

## 2. Các vị trấn thủ vùng biên ải Hồng Ngự thời Nguyễn

Trong dịp Kỷ niệm 200 năm vùng đất Hồng Ngự, cơ quan chức năng địa phương ghi nhận 6 vị tiền nhân trấn thủ vùng biên ải Hồng Ngự, gồm các vị (Xin xem ảnh):



Nhà bia tưởng niệm các vị tiền nhân trấn thủ vùng biên ải Hồng Ngự, TP. Hồng Ngự, Đồng Tháp (Ảnh: Đỗ Kim Trường, 2022)

- **Khâm sai tổng nhung cai cơ dinh Trung quân Nguyễn Đức Thành**, năm Nhâm Tý [1792] “mang quân chi Kiên uy đi giữ 3 đạo Cần Giờ, Đồng Tranh, Thuyền Áo”[10,494], tháng 11, “Sai Khâm sai tổng nhung Cai cơ dinh Trung quân là Nguyễn Đức Thành giữ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng và Chiến Sai”<sup>2</sup>. Quý Sửu [1793], tháng 11, “Triệu Nguyễn Văn Thành về. Sai Đông cung nguyên soái Cảnh quận công trấn thành Diên Khánh, cho Bá Đa Lộc và bọn thị học đi theo. Khiến Phó tướng Tả quân Phạm Văn Nhân, Giám quân Trung dinh Tổng Phước Đạm, Lưu thủ cai cơ quản suất Trấn Định là Mạc Văn Tô, Cai cơ đạo Tân Châu là Nguyễn Đức Thành cùng các tướng sĩ đi theo để điều bát”[11,302]. Giáp Dần [1794], tháng 9, “Lại sai Cai cơ Nguyễn Đức Thành giữ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng và Chiến Sai”[11,312]. Ất Mão [1795], tháng 12, “Lấy Phó chương chi Hậu chi Trung quân là Nguyễn Đức Thành làm Hiệu úy Hữu chi”[11,331]. Bính Thìn [1796], tháng 4, “Khâm sai tổng nhung cai cơ hiệu úy Hữu chi Trung quân là Nguyễn Đức Thành quản Hữu chi Trung quân”[11,335]. Mậu Ngọ [1798], tháng 8, “Sai Phó tướng Hữu quân Nguyễn Đức Thành và Tham tri Hình bộ Nguyễn Hoài Quỳnh đi sứ sang Xiêm”[11,371]. Canh Thân [1800], tháng 6, “Triệu Nguyễn Hoàng Đức đến hành tại. Sai Đô thống chế Tả dinh quân Thần sách là Lê Văn Duyệt đem quân theo đường Cù Mông, kiêm quản phó tướng Hữu quân là Mạc Văn Tô và Nguyễn Đức Thành cùng tướng sĩ Hữu đồn quân Ngự lâm, thẳng tiến đến Phú Trung (tên đất) đánh giặc”[11,414]. Đến Quý Mùi [1823], tháng 2, “Phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Nguyễn Đức Thành chết, cho 100 quan tiền và cấp 2 người mộ phu”[12,267].

- **Cai cơ Trương Phước Quyền**, Quý Dậu [1813], tháng 9, “Lấy Cai cơ Nguyễn Văn Khoa Quản thủ đạo Đông Khâu, Nguyễn Văn Châu Quản thủ đạo Hưng Phúc, Phạm Văn Ưông Quản thủ đạo Trấn Giang, Trương Phước Quyền Quản thủ ba đạo Tân Châu, Chiến Sai, Hùng Ngự” [11,867].

- **Khâm sai cai cơ Hồ Văn Thát**<sup>3</sup>, năm Nhâm Tuất [1802], tháng 11, “Sai Hồ Văn Thát là Cai cơ đồn Xiêm binh quản ba đạo Quang Hóa, Xi Khê và Giao Dịch. Văn Thát vốn được

binh man ở ba đạo ấy tin phục, Nguyễn Văn Tồn tâu lên nên có mệnh ấy”[11,536]. Giáp Tuất [1814], tháng 6, “Lấy Cai cơ là Hồ Văn Thất làm Phó quản đồn Uy Viễn”[11,884]. Đinh Sửu [1817], tháng 6, “Sai Phó quản đồn Uy Viễn là Hồ Văn Thất đóng giữ bảo Châu Đốc”[11,950]. Canh Thìn [1820], tháng 1, Thống quản đồn Uy Viễn là Nguyễn Văn Tồn chết. “Lấy Phó quản đồn là Cai cơ Hồ Văn Thất thụ Chánh quản đồn, An phủ là Tót làm phó quản đồn”[12,41]. Mậu Tý [1828], tháng 7, “Khâm sai Cai cơ Phó quản đồn Uy Viễn thụ lý chính quản đồn là Hồ Văn Thất, vì già ốm về hưu, lấy Quản cơ cơ Tĩnh biên là Nguyễn Văn Vỵ lĩnh Phó quản đồn Uy Viễn”[12,754].

- **Khâm sai cai cơ Võ Văn Sáng**, Đinh Sửu [1817], tháng 6, “Sai Phó quản đồn Uy Viễn là Hồ Văn Thất đóng giữ bảo Châu Đốc, Khâm sai cai cơ chánh quản cơ Gia dưng tả là Võ Văn Sáng quản thủ ba đạo Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự”[11,950]. Canh Thìn [1820], sư Kế ở Chân Lạp đem 30 binh thuyền tiến đánh thành Nam Vang. Vua Chân Lạp định bỏ thành chạy. Vua Minh Mạng sai Nguyễn Văn Trí và Nguyễn Văn Thoại sang tiếp ứng. Sư kế và Tham Địch Tây chạy trốn. Tháng 9, “Quân của Phan Công Nghĩa đóng ở Liêu Hiêu nghe giặc ở Bà Nam chiếm giữ chỗ hiểm, sai Quản đạo Tân Châu là Vũ Văn Sáng dẫn quân tiến lên, Sáng đánh thua, bị giặc giết chết. Nghĩa cùng bọn Lê Kim Nhượng, Nguyễn Văn Tuyết kể đến, giặc bèn lui chạy”[12,92]. Vũ Văn Sáng tức Võ Văn Sáng.

- **Ngoại ủy quản cơ Lê Văn Chánh/ Chính**, là con Lê Văn Quân. Quân trước làm Đô đốc binh tây chưởng Tiền quân doanh, bị tội xấu hổ phần uất tự sát. Năm 1817, truy lục cho con được cấp lương tháng. Năm 1822, Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt tâu xin cho tập ấm. Vua Minh Mạng nghĩ công theo hộ giá tiền vương ở Vọng Các nên ban dụ: “Cho thêm con Lê Văn Quân là Lê Văn Chính tiền gao lương tháng (tiền 3 quan, gạo 3 phượng)”[12,217]. Năm Bính Tuất [1826], tháng 2, “Lấy Quản cơ Lê Văn Chính quản ba đạo Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự”[12,486]. Giáp Ngọ [1834], tháng 4, “Truy thụ chức Cai đội, trật Tông ngũ phẩm cho Ngoại ủy suất cơ Lê Văn Chính. Trước kia, trận Phủ Lật [tên đất ở Trấn Tây thành, TG], Chính đem hương đồng đi tông chinh, nhân bị thương nặng, cách một ngày rồi chết. Đến bấy giờ việc tâu lên, vua đặc cách sai truy thụ chức ấy cho Chính”[12,176].

- **Phó vệ úy Tiền bảo thất Đặng Phước Cần**, Ất Dậu [1825], tháng 12, “Lấy Cai đội vệ Thành võ là Đặng Phúc Cần làm Phó vệ úy vệ Hùng cự nhị”[12,471]. Đinh Hợi [1827], tháng 7, Lấy “Phó Vệ úy vệ Hùng cự nhị là Đặng Phúc Cần làm Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhất”[12,653]. Kỷ Sửu [1829], tháng 7, “Sai Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhất là Đặng Phúc Cần lĩnh chức Quản thủ ba thủ Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự”[12,878].

### 3. Một số nhận xét

Trong công cuộc mở đất phương Nam, với các hình thức thụ đắc lãnh thổ, chúa Nguyễn lần lượt xác lập hợp pháp chủ quyền Nam bộ, đến năm 1757 đã hoàn thành. Quá trình ngót 200 năm đó, bằng phương thức “dân đi trước, nhà nước theo sau”, nhiều loại hình chính quyền quân quản và đồn binh đã được thiết lập trên vùng đất mới, được thư tịch cổ ghi chép với tên gọi, đạo, bảo, thủ, tẩn, ... nhằm hỗ trợ lưu dân người Việt trên con đường khai hoang lập ấp. Hùng Ngự là một trong những đạo/bảo như thế, sau trở thành vùng đất.

Về nguồn gốc tên gọi, lúc đầu là Hùng Thắng, như sử liệu đã dẫn, đến năm 1792, Nguyễn Đức Thành được cử “giữ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng và Chiến Sai”. Đến năm 1818, đổi thành Hùng Ngự như Lê Quý Đôn chép “dời đạo Hùng (Hùng) Ngự đến cửa dưới sông Hiệp Ân”. Cần lưu ý chi tiết: Lúc Nguyễn Đức Thành trấn thủ, Hùng Thắng “là một khu hành chánh mới thành lập, đang ở trong tình trạng khai phá, mở mang, chưa được Việt hóa hoàn toàn”. Đến năm 1818, Hùng Ngự “là đơn vị hành chánh cấp tỉnh, chuẩn bị để chính thức trở thành tỉnh”. Trị sở đạo là *bảo*, kết cấu bằng đất, có hai cửa, cao bốn thước, chu vi 36 trượng hai thước như sử liệu mô tả.

Tra cứu *Thực lục* và *Tiền biên*, sáu vị tiền nhân trấn thủ bảo vệ vùng biên ải Hùng Ngự (như bia đã lập) gồm: Nguyễn Đức Thành, Trương Phước Quyền, Hồ Văn Thắt, Võ Văn Sáng, Lê Văn Chính và Đặng Phước Cần. Một số chi tiết cần quan tâm khi tra cứu sử liệu: 1. Phúc/Phước, Võ/Vũ, Chánh/Chính cùng nghĩa; 2. Ghi sai trong *Bảng sách dẫn*: Hồ Văn **Thắt** thành Hồ Văn **Chắt**; Nội dung sử liệu ở trang này nhưng kê cứu ghi ở trang khác (Xem chú thích cuối bài viết). 3. **Võ Văn Sáng** (Tập 1, tr 950) và **Vũ Văn Sáng** (Tập 2, tr 92) là một, nhưng 2 cách ghi họ Võ và Vũ. Sáu vị tiền nhân kể trên, ở chính sử triều Nguyễn rất ít thông tin. Trương Phước Quyền chỉ một lần được nhắc đến, hầu hết đều không rõ năm sinh, 3 trong 6 người có ghi năm mất. *Liệt truyện* chỉ chép Nguyễn Đức Thành. Các sách từ điển nhân vật lịch sử cũng không đề cập. Do đó, khi lập bia tưởng niệm, cơ quan chức năng Hùng Ngự không có nhiều thông tin để tôn vinh các tiền nhân, chỉ ghi nhận thời gian được bổ nhiệm trấn thủ ở địa phương.

Trong 6 vị trấn thủ như bia đã lập, Hồ Văn Thắt **có thể** không phải là người đã quản thủ Hùng Ngự. Vì như sử liệu chép, năm 1814, Hồ Văn Thắt làm Phó quản đồn Uy Viễn. Năm 1817, Phó quản đồn Uy Viễn Hồ Văn Thắt đóng giữ bảo Châu Đốc. Năm 1820, Thống quản đồn Uy Viễn là Nguyễn Văn Tồn chết, Hồ Văn Thắt thụ Chánh quản đồn. Đồn Uy Viễn nguyên là đồn Xiêm binh, được lập vào tháng 9 năm Đinh Mùi [1787], như *Thực lục* chép: “Vua trú ở Hồ Châu, thu hạp tướng sĩ hơn 300 người, chiến thuyền hơn 20 chiếc, sai Nguyễn Văn Tồn chiêu tập dân Phiên hai xứ Trà Vinh và Mân Thít được vài nghìn người, biên bổ làm lính, gọi là Đồn Xiêm binh (năm Gia Long thứ 9 đổi làm Đồn Uy Viễn) cho Tồn làm Thuộc nội Cai đội để cai quản” [11,230]. Thắt ngọc hầu quản đồn Uy Viễn và bảo Châu Đốc, không thấy sử liệu ghi nhận trấn thủ Hùng Ngự. Nếu như thế, nội dung văn bia trên cần chỉnh sửa lại cho đúng với lịch sử.

## CHÚ THÍCH

(\*) Hội KHLS Đồng Tháp. Email: kimtruong.do@gmail.com

<sup>1</sup> Thời Nguyễn, trong bài viết này xin được hiểu gồm cả hai thời kỳ: Chúa Nguyễn và triều Nguyễn. Tuy nhiên, do liên quan đến 6 vị trấn thủ vùng đất Hùng Ngự nên giới hạn trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX.

<sup>2</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Hà Nội, 2022, tr 288. Phần Bảng sách dẫn, đã có sai sót khi kê cứu nội dung này của Nguyễn Đức Thành ở **tr 289**, đúng là **tr 288**. Tương tự, các nội dung ở **tr 302** và **tr 303** lại chú dẫn sai ở **tr 304**. Xem Sđd, tr 1035.

<sup>3</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, phần Bảng sách dẫn, đã sai sót khi kê cứu tên của Hồ Văn **Thắt** ghi sai là Hồ Văn **Chắt**, tr 1021.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Hiếu, *Nhìn lại Xứ Gia Định và cuộc nội chiến Tây Sơn – Nguyễn Ánh 1777 – 1789*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2020.
2. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Tập I, bản dịch Lê Xuân Giáo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1972.
3. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, bản dịch & bổ chính Trần Đại Vinh, Nxb Đà Nẵng, 2018.
4. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Nxb tổng hợp Đồng Nai, 2006.
5. Võ Hương-An, *Từ điển nhà Nguyễn*, Nxb tổng hợp TP. Hồ Chí Minh-Tao Đàn thư quán, 2021.
6. Huỳnh Lứa chủ biên, *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1987.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb Lao động, 2012.
8. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn tỉnh Định Tường*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1994.

- 
9. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn tỉnh An Giang*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1994.
  10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1 - 2, Nxb Thuận Hóa, 2013.
  11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb Hà Nội, 2022.
  12. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Hà Nội, 2022.